ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số 525 /QĐ-UBND ngày 20/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/2023/TT-BNG ngày 30/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành đối ngoại trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đối ngoại.

Việc xây dựng vị trí việc làm của Sở Ngoại vụ nhằm xác định số lượng biên chế gắn với từng vị trí việc làm đối với Sở Ngoại vụ, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ công chức của Sở Ngoại vụ.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Cán bộ công chức năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức năm 2019.

2. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

3. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

4. Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

5. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên

môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự ngiệp công lập.

6. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

7. Thông tư số 01/2023/TT-BNG ngày 30/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành đối ngoại trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đối ngoại.

8. Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 13/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Lạng Sơn.

9. Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 07/06/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

10. Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh năm 2024.

III. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
1	Lãnh đạo, quản lý	1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh: a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực đối ngoại trên địa bàn tỉnh; Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực đối ngoại và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên; b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo ngành, lĩnh vực nội vụ đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan Nhà nước cấp trên. 2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở: a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao. b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực đối ngoại đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
		thuộc phạm vi quản lý. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực nội vụ đối với tổ chức của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khác đặt trụ sở trên địa bàn. c) Tổng hợp, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đối với ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thực hiện việc thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Ngoại giao và cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.
2	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Ngoại vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia.
3	Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	- Thanh tra Sở: có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Ngoại vụ tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, công tác kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nội vụ; công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. - Văn phòng Sở: có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở chỉ đạo, điều hành trong công tác: Kế hoạch, tổng hợp; tài chính, kế toán; hành chính quản trị; tổ chức cán bộ; thi đua, khen thưởng; quân sự, dân quân, tự vệ; phòng cháy, chữa cháy; an ninh, trật tự nội bộ; cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin, quản trị mạng, quản trị Website, hoạt động thông tin đối ngoại đối với Sở Ngoại vụ

IV. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí

(1) Vị trí Giám đốc Sở.

(2) Vị trí Phó Giám đốc Sở.

(3) Vị trí Chánh Văn phòng Sở.

(4) Vị trí Phó Chánh Văn phòng Sở.

(5) Vị trí Trưởng phòng thuộc Sở.

(6) Vị trí Phó Trưởng phòng thuộc Sở.

(7) Vị trí Chánh Thanh tra Sở.

(8) Vị trí Phó Chánh Thanh tra Sở.

2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 09 vị trí

(1) Chuyên viên chính về ngoại giao nhà nước.

(2) Chuyên viên chính về công tác lãnh sự.

(3) Chuyên viên chính về biên giới, lãnh thổ quốc gia.

(4) Vị trí Chuyên viên về ngoại giao nhà nước.

(5) Vị trí Chuyên viên về lãnh sự.

(6) Vị trí Chuyên viên về công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

(7) Vị trí Chuyên viên về lễ tân nhà nước.

(8) Vị trí Chuyên viên về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế.

(9) Vị trí Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia.

3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 08 vị trí.

(1) Vị trí Kế toán trưởng (phụ trách kế toán).

(2) Vị trí Kế toán viên.

(3) Vị trí Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng.

(4) Vị trí Chuyên viên về hành chính - văn phòng.

(5) Vị trí Thanh tra viên về công tác thanh tra.

(6) Vị trí Chuyên viên về công tác thanh tra.

(7) Chuyên viên về công tác pháp chế

(8) Vị trí Văn thư viên.

4. Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

(1) Vị trí Nhân viên Lái xe.

(2) Vị trí Nhân viên Bảo vệ.

(3) Vị trí Nhân viên Phục vụ.

(Có bản mô tả vị trí việc làm của từng vị trí đính kèm Đề án)

V. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Tổng hợp vị trí việc làm và ngạch công chức

1.1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý:

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Phó Chánh Văn phòng Sở	
5	Trưởng phòng thuộc Sở	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	
7	Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Chánh Thanh tra Sở	

1.2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành:

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Chuyên viên chính về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác lãnh sự	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên
5	Chuyên viên về lãnh sự	Chuyên viên
6	Chuyên viên về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên
7	Chuyên viên về lễ tân nhà nước	Chuyên viên
8	Chuyên viên về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	Chuyên viên
9	Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên

1.3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Kế toán trưởng (phụ trách kế toán)	
2	Kế toán viên	Kế toán viên
3	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
5	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
6	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
7	Chuyên viên về công tác pháp chế	Chuyên viên
8	Văn thư viên	Văn thư viên

2. Cơ cấu ngạch công chức

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức[1]; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; trên cơ sở số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, xác định cơ cấu ngạch công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc Sở Ngoại vụ, như sau:

2.1. Tỷ lệ ngạch chuyên viên chính và tương đương: 40%;

2.2. Tỷ lệ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: 60%.

[1] Đối với nhóm lãnh đạo không xác định cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.